

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2022/HS-PT

Ngày: 01/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm M Tùng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tấn Hào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 100/2021/TLPT-HS ngày 21 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần N. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2022/HS-ST ngày 10 tháng 2 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T

Bị cáo có kháng cáo:

1- Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1998 (tên gọi khác: Đạt) tại: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: khóm Tân Thuận, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha: không rõ; mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1976; anh em ruột: có 02 người bị cáo là con thứ 01; vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm: 2003; con: có một con, sinh 22/3/2021; tiền án: không; tiền sự: ngày 07/8/2020 bị Ủy ban nhân dân thị trấn T ban hành Quyết định số 75/QĐ – UBND, về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn 03 tháng; tạm giữ: ngày 03/02/2021; tạm giam: ngày 06/02/2021 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp, có mặt tại phiên tòa.

2- Họ và tên: Trần N, sinh năm: 2000 (tên gọi khác: Tèo) tại: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: khóm Tân Thuận, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo:

không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm M T, sinh năm: 1966 và con bà: Trần Thị Thúy P, sinh năm: 1971; anh em ruột: có 02 người bị cáo là con thứ 02; vợ con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: ngày 04/12/2020 bị Ủy ban nhân dân thị trấn T ban hành Quyết định số 122/QĐ – UBND, về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn 03 tháng; tạm giữ: không; tạm giam: ngày 24/02/2021 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp, có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:*

Luật sư Nguyễn Cao Hiến là luật sư thuộc công ty Luật TNHH MTV Tuyên Thụy và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

Viện kiểm sát không kháng nghị. Các bị cáo khác trong vụ án không kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 28/01/2021 Nguyễn Hoàng M muốn sử dụng ma túy nên đã chạy xe mô tô biển số: 66B1- 419.53 đến căn trại của Lê Phước H tại khóm Tân Thuận, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, lúc này cũng có mặt Đỗ Duy K tại căn trại, M nhờ K điện thoại cho Nguyễn Văn T hỏi mua 25 số đồ (tiếng lóng của ma túy đá) để M sử dụng, nhưng K không đồng ý nên M xin K số điện thoại của T rồi điều khiển xe về nhà, trên đường đi M gọi điện thoại cho T hỏi mua nửa hộp 5 ma túy đá, T đồng ý bán với giá 1.700.000 đồng và hẹn giao hàng tại nhà T đang thuê ở trọ thuộc khóm Tân Thuận, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, sau đó M điện thoại cho H và nhờ H đưa máy cho K nghe (vì K không có sử dụng điện thoại) M nhờ K điện thoại với T, bớt cho M 100.000 đồng, K thống nhất với yêu cầu của M, nên đã điện thoại cho T xin bớt cho M 100.000 đồng, T chấp nhận, K đã điện thoại thông báo cho M biết là “Anh đã điện thoại cho T rồi và T đồng ý giảm 100.000 đồng, như vậy còn 1.600.000 đồng”, sau khi nghe điện thoại của K xong, M chạy xe đến nhà trọ của T nhận ma túy.

Về phía T sau khi đã thỏa thuận với M xong, T điện thoại cho Trần N đến nhà trọ của T để nhận một bịch ma túy đi ra đầu đường ngồi đợi giao cho M, khi Y ra đầu hẻm thì gặp M đã đến và M cũng biết Y là người sẽ giao ma túy cho M, nên M đề nghị Y nhận đỡ chiếc nhẫn vàng đang đeo trên tay, ngày mai M đến

chuộc lại, vì không bán được vàng, đồng thời tháo chiếc nhẫn đang đeo trên tay đưa cho Y, nhưng Y không chấp nhận, mà Y điện thoại báo cho T biết là “ Lấy đồ, không đưa tiền, mà đưa chiếc nhẫn” T kêu Y không đồng ý, lúc này M điện thoại cho H và nhờ H cho gặp K, thông qua điện thoại M nhờ K điện cho T nhận dùm chiếc nhẫn, mai chuộc lại lý do không bán được vàng, liền lúc đó K điện thoại cho T nói nhận dùm chiếc nhẫn của M, có gì thì K chịu trách nhiệm, T đồng ý, nên đã điện thoại kêu Y nhận chiếc nhẫn của M và giao bịch ma túy cho M, giao xong ma túy Y đem nhẫn vào nhà trọ đưa cho T và sau đó T đem nhẫn cầm cho bà Trịnh Thị Dlà mẹ vợ của T với số tiền là 1.500.000đ.

Về phần M sau khi nhận ma túy của Y xong, M bỏ bịch ma túy vào bóp da để ở túi quần trước bên trái, rồi lên xe chạy về nhà, khi đến đoạn đường thuộc ấp Tân Thuận B, xã Tân Phú, huyện T, thì M bị lực lượng Công an dừng xe kiểm tra, do không có giấy tờ tùy thân nên M bị mời về trụ sở xã để làm việc. Qua kiểm tra trên người M, lực lượng chức năng đã phát hiện toàn bộ số ma túy mà M đã cất giấu trong túi quần trước bên trái mà M đang mặc, cụ thể là một bịch ny lon màu trắng, hàn kín dạng nắp kẹp có viền màu đỏ có chứa tinh thể rắn màu trắng để trong bóp da, M thừa nhận là mới mua ma túy đá của T bán đem về sử dụng trên đường chạy xe về nhà thì bị phát hiện và bị bắt với đầy đủ tang vật chứng trong đó có phong bì đã niêm phong ghi ký hiệu A1 là ma túy đá. Do không cần thiết áp dụng biện pháp ngăn chặn nên M được tại ngoại, qua ngày sau lúc 09 giờ M đến gặp T chuộc nhẫn, T nói là đã đưa nhẫn cho mẹ vợ là Trịnh Thị Dtrú tại ấp Tân Thuận A, xã Tân Phú, huyện T giữ và kêu M đến gặp bà Dchuộc lại. Trên đường đi thì M gặp người thanh niên tên L không biết rõ họ tên địa chỉ và cả 02 cùng đến nhà bà Dchuộc nhẫn với số tiền là 1.500.000đ. Bà Dhoi nghe nói là 1.600.000đ tại sau có 1.500.000đ M nói cho thiếu 100.000đ sau này trả.

Theo Kết quả giám định số 104/KL-KTHS ngày 30/01/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Tinh thể rắn chứa trong 01 bịch nylon màu trắng dạng nắp kẹp một đầu có viền màu đỏ kẹp kín, được niêm phong trong phong bì ghi ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 1,822 gam loại, Methamphetamine.

Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Hoàng M, Đỗ Duy K, Trần N thừa nhận tội. Ngoài ra Trần N còn khai nhận trước đó Y đã giúp T giao ma túy nhiều lần cụ thể như Nguyễn Tèo Anh ngụ khóm Tân Thuận, thị trấn T, huyện T một lần thu tiền là 1.500.000 đồng; Nguyễn Văn T cũng địa chỉ khóm Tân Thuận, thị

trần T, huyện T một lần; cùng với T đến thị trấn T, huyện T giao ma túy cho Nguyễn Hồng T tại nhà T vào ngày 23/01/2021; Trong tháng 12 năm 2020 Y cùng với T đến nhà Phạm T ở ấp Tây, xã Tân Thạnh, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, T lấy ra một bịch ma túy cùng với Y sử dụng, sáng lại T bán cho T một bịch ma túy rồi cùng với Y ra về;

Nguyễn Hồng T đã khai nhận mua ma túy của Nguyễn Văn T 02 lần: Lần thứ 1 vào khoảng 10 giờ ngày 12/01/2021 T gọi điện thoại cho T mua ma túy giá 500.000 đồng T giao ma túy tại nhà T; Lần 2 vào khoảng 20 giờ ngày 23/01/2021 T cũng điện thoại cho T để mua ma túy giá là 3.000.000 đồng và lần này cũng hẹn giao ma túy tại nhà T. Qua nhận dạng từ hình ảnh T đã xác định Trần N là người đi cùng T giao ma túy cho T.

Nguyễn Quốc B khai đã mua ma túy của T để sử dụng 02 lần cụ thể như sau: Lần 1 khoảng tháng 11 năm 2020 Quốc B điện thoại cho T hỏi mua ma túy giá là 500.000 đồng, T đồng ý bán và hẹn giao ma túy tại cầu Dinh Ông, thuộc xã Tân Thạnh, huyện T; Lần 2 cách lần đầu khoảng 7 ngày Quốc B đến nhà của Phạm T rủ nhau cùng sử dụng ma túy, để có ma túy T điện thoại cho T hỏi mua dùm ma túy cho Quốc B số tiền là 300.000 đồng, T đồng ý và khoảng 30 phút sau T đã đem ma túy đến, rồi cùng với T và Quốc B khui bịch ma túy ra 03 người sử dụng chung, số ma túy còn lại giá khoảng 200.000 đồng T bán cho Quốc B có sự chứng kiến của T.

Phạm T khai nhận đã mua của T tổng số là 03 đến 04 lần ma túy, mỗi lần có giá từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, trong đó có lần vào khoảng tháng 12 năm 2020 T điện thoại cho T, thì T đến nhà T cùng với người thanh niên, sau đó T lấy ra một bịch ma túy, chiếc ra một ít rồi cả ba người cùng sử dụng, sáng hôm sau trước khi ra về T bán cho T một bịch ma túy.

Ngoài ra quá trình điều tra còn xác định Nguyễn Văn T bán cho Đào Văn Út tổng cộng ba lần ma túy để Út sử dụng, thời điểm bán khoảng tháng 01/2021 giá từ 200.000đ đến 300.000đ giao nhận ma túy tại nhà trọ của T đang ở; khoảng tháng 02/2021 T bán cho Lê M Mẫn cũng ba lần mỗi lần từ 200.000đ đến 300.000đ nơi giao nhận ma túy là nhà trọ T đang ở; Bán cho Phan Phước Lộc 02 lần mỗi lần giá từ 200.000đ đến 300.000đ nơi giao ma túy là tại căn trại giữ vườn của Lộc; bán cho Phạm Thị Bảo Thi 02 lần vào khoảng tháng 8 năm 2020 giá là 300.000đ địa điểm giao ma túy là nhà trọ Bảo Thi đang ở, lần tháng 10 năm 2020 giá 500.000đ địa điểm giao ma túy là trước cổng Công ty Hùng Cá thuộc xã B T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Qua đối chất cũng như khai báo các

đương sự Đào Văn Út, Lê M Mẫn, Phan Phước Lộc, Phạm Thị Bảo Thi đều xác nhận đã mua ma túy của T về sử dụng cho thỏa mãn cơn nghiện, đồng thời qua test thì các đương sự này đã cho kết quả dương tính với ma túy, các đương sự đã mô tả chi tiết các lần mua bán, địa điểm giao nhận ma túy phù hợp với địa điểm cũng như thời gian và không gian đã xác M.

Riêng bị cáo Nguyễn Văn T tại biên bản lời khai ngày 03/02/2021 thì T thừa nhận thông qua điện thoại của Đỗ Duy K thì T có đưa cho Y bịch ma túy đá để bán cho M, sau đó Y đưa Nhẫn cho T, T đem chiếc nhẫn đưa cho mẹ vợ tên Trịnh Thị Dvà qua ngày sau khi M đến chuộc nhẫn, T chỉ M đến gặp bà Dchuộc lại, bà Dcũng xác nhận có cầm chiếc nhẫn do T đưa và đã cho M chuộc lại ngày 29/01/2021, nhưng sau đó thì T giả đò bệnh và không thừa nhận tội. Bị cáo T cho rằng ngày 28/01/2021 bị cáo không ra khỏi nhà, không trao đổi, gặp gỡ bán ma túy cho ai và từ trước tới nay không có bán trái phép chất ma túy.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2022/HS-ST ngày 10/2/2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, Trần N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251 Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt Nguyễn Văn T 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 03/02/2021.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt Trần N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 24/02/2021.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 2 năm 2022, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung cho rằng bản án cấp sơ thẩm xét xử chưa khách quan, quá nặng không công bằng nên xin tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại đúng tội đúng khung hình phạt.

Ngày 16 tháng 2 năm 2022, bị cáo Trần N có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn T thống nhất với tội danh và điều khoản truy tố bị cáo; bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T và Trần N bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 và điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo Trần Văn T kháng cáo với nội dung yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và cung cấp thêm xác nhận gia đình khó khăn đây là các tình tiết giảm nhẹ mới theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sửa một phần án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn T cho rằng bị cáo Trần N có giúp cho bị cáo bán ma túy 03 lần, tuy nhiên lời khai này không được bị cáo Trần N thừa nhận và không phù hợp với lời khai của các đối tượng mua bán ma túy với bị cáo và cũng nằm ngoài phạm vi kháng cáo của bị cáo nên đề nghị không xem xét.

Đối với bị cáo Trần N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nào ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên về hình phạt đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T phát biểu quan điểm: Bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình và thừa nhận hành vi phạm tội của mình; Gia đình bị cáo đang gặp khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và cho rằng bị cáo Trần N có giúp sức cho bị cáo 03 lần bán ma túy cho các con nghiện.

Lời nói sau cùng các bị cáo đã ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những

người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở xác định: Số ma túy đá mà cơ quan thu giữ là của bị cáo Nguyễn Hoàng M nhờ người tên Đỗ Duy K điện thoại đến Nguyễn Văn T hỏi mua dùm, thông qua sự thỏa thuận giữa K và T, sau đó K nói cho M biết địa điểm giao ma túy là nhà T. Về phía T sau khi thỏa thuận với K xong, thì điện thoại cho Trần N đến nhận bịch ma túy đi ra trước hẻm đợi giao cho M. Khi M đến nhận ma túy nhưng không có tiền mà đưa nhảu thể chân, Y đã điện thoại cho T thì T không đồng ý, nên M đã điện thoại nhờ K điện cho T nhận dùm chiếc nhảu và giao ma túy ngày mai M chuộc nhảu trả đủ tiền nếu có gì thì K chịu trách nhiệm, do có sự bảo lãnh của K nên T đồng ý và điện thoại cho Y nhận nhảu giao ma túy cho M, nhận được bịch ma túy M để ở túi quần trước chạy về nhà trên đường đi thì bị bắt quả tang. Kết quả giám định có kết luận vật chứng thu giữ trên người của Nguyễn Hoàng M là loại Methamphetamine có khối lượng 1,822 gam.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến an toàn, trật tự công cộng. Đồng thời, hành vi của các bị cáo là nguyên nhân phát sinh những tội phạm khác làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn T.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và xét xử bị cáo Trần N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo Trần Văn T kháng cáo với nội dung yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và cung cấp thêm xác nhận gia đình khó khăn đây là các tình tiết giảm nhẹ mới theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, sửa một phần án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Trần N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nào ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên về hình phạt đối với bị cáo.

Việc bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phúc thẩm thừa nhận hành vi phạm tội của mình và cho rằng bị cáo Trần N có giúp cho bị cáo bán ma túy 03 lần, tuy nhiên lời khai này không được bị cáo Trần N thừa nhận và không phù hợp với lời khai của các đối tượng mua bán ma túy với bị cáo và cũng nằm ngoài phạm vi kháng cáo của bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét lời bào chữa của luật sư cho bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo của bị cáo Nguyễn Văn T được chấp nhận nên không pH chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo Trần N không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a và b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần N, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Trần N.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt Nguyễn Văn T 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 03/02/2021.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt Trần N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 24/02/2021.

3. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Văn T không pH chịu án phí hình sự phúc thẩm.
- Bị cáo Trần N pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TAND huyện T (02 bản);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Cơ quan CSĐT CA huyện T;
- Cơ quan THAHS-CA H. T;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA, (Hào).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm M Tùng